

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 483/2024/QĐST-HNGĐ

T, ngày 18 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 147/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1989; HKTT: 258 L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên lạc: 449/11/6 H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đặng Văn T1, sinh năm 1984; HKTT: 258 L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn T1.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn T1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 79/2014, quyển số 01/2014 ngày 08/11/2014 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Văn T1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Quyết định công

nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Giao con chung tên **Đặng Gia T2**, sinh ngày 19/10/2015 cho ông **Đặng Văn Trung** trực t chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà **Nguyễn Thị T** tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện từ tháng 7/2024.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Bà **T** có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức (người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, **Hội L**), Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- *Về quan hệ tài sản*:

Về tài sản chung: Hai bên khai không có.

Về nợ chung: Hai bên khai không có.

- *Về án phí*: Án phí hôn nhân sơ thẩm: 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng, tất cả do bà **Nguyễn Thị T** tự nguyện chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà bà **T** đã nộp theo Biên lai thu số 0007633 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận: THẨM PHÁN

- Dương sự;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục THADS Q. Tân Phú;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Oanh).

Trần Văn Chinh